TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2017/HSST
Ngày 15 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYÊN, TỈNH VĨNH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Khôi và ông Nguyễn Quang Thái.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Mạnh - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên toà: Ông Phan Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 58/2017/HSST ngày 21 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Dương Văn T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện B, Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; con ông: Dương Văn N và bà Đỗ Thị H; vợ con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự. Ngày 06 tháng 9 năm 2016 bị Công an huyện Bình Xuyên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, số tiền 2.000.000 đồng đến nay chưa chấp hành nộp phạt.

Nhân thân: Ngày 05 tháng 5 năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên ra Quyết định số 02 về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc Thanh Hà thời hạn 06 tháng. Chấp hành xong ngày 03 tháng 12 năm 2014.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23 tháng 5 năm 2017 đến nay, (có mặt).

2. Người bị hại:

- Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996.

Hộ khẩu: Thôn N, xã V, huyện Ứ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ hiện tại: Khu tập thể 3 tầng thuộc Công ty cổ phần V, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Anh Dư Quang C, sinh năm 1993

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Văn N, sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Thôn Q, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

NHẬN THẤY

Bị cáo Dương Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên truy tố về hành vi phạm tội như sau: Trong các ngày 04 tháng 3 năm 2017 và ngày 02 tháng 4 năm 2017, Dương Văn T đã thực hiện 02 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 04 tháng 3 năm 2017 T đang ngồi chơi điện tử tại quán internet thì nhận được điện thoại của bạn gái là Dương Thị T gọi cho T nói đón T ở phường X, thị xã P về nhà T chơi. Vì không có xe nên T hỏi mượn anh Nguyễn Tuấn A là bạn, chiếc xe mô tô Honda Click màu trắng Biển kiểm soát 88K7 - 5195 để đi đón T và hẹn sẽ trả lại xe ngay, Tuấn A đồng ý và giao xe cho T. T điều khiển xe mô tô đón T về nhà chơi khoảng 30 phút, sau đó T điều khiển xe chở T về nhà ở thôn M, huyện S, Thành phố Hà Nội. Sau khi chở T về nhà, T điều khiển xe đi chơi ở địa bàn phường X, thị xã P, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên T mới nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô của Tuấn A. T dùng điện thoại liên lạc với một người bạn T mới quen tên là T ở thị trấn H, huyện B nói dối là xe của T và nhờ T chỉ chỗ cầm cố chiếc xe mô tô T mượn của Tuấn A lấy tiền tiêu xài. T đồng ý rồi hẹn gặp T ở khu vực xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó T điều khiển xe mô tô của Tuấn A đến chỗ hẹn gặp T rồi T điều khiển xe chở T đến nhà một nam giới bạn của T ở xã T, thành phố V. Tại đây, T nói cho em cắm cái xe lấy bốn triệu rưỡi thì nam thanh niên hỏi T xe này của ai, có giấy tờ gì không, T nói dối là xe của T còn giấy tờ để quên ở nhà. Nam giới này đồng ý và đưa cho T số tiền 4.500.000 đồng sau đó lấy lãi trước 400.000 đồng, còn lại 4.100.000 đồng, T cho T 200.000 đồng rồi một mình bắt xe đi đến khu vực phường X, thị xã P tiêu xài cá nhân hết. Do không có khả năng chuộc lại được chiếc xe mô tô nên khi Tuấn A nhiều lần nhắn tin yêu cầu trả xe nhưng T đều không trả lời lại.

Ngày 07 tháng 3 năm 2017, sau nhiều lần yêu cầu T trả xe không được, anh Nguyễn Tuấn A đã có đơn trình báo đến Công an huyện Bình Xuyên để giải quyết theo quy định. Ngày 15 tháng 3 năm 2017, ông Dương Văn N là bố đẻ của T biết việc T cầm cố xe nên đã cùng T mang 6.000.000 đồng đi đến nhà nam giới ở xã T, thành phố V để chuộc lại chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 88K7 - 5195 và tự giao nộp cho Công an huyện Bình Xuyên. Ngày 29 tháng 3 năm 2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên có Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 29 trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên định giá chiếc xe mô tô. Tại bản kết luận số 21/KL-ĐG ngày 07 tháng 4 năm 2017, Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên định giá chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 88K7- 5195 trị giá 13 triệu đồng.

Ngày 19 tháng 4 năm 2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã trả lại chiếc xe mô tô cho anh Nguyễn Tuấn A. Sau khi nhận lại được xe, Tuấn A không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02 tháng 4 năm 2017 T đang ngồi uống nước cùng bạn gái của T là Dương Thị T tại thôn Đ, xã B, huyện B thì có Vũ Văn C đi xe mô tô một mình đi qua, T nhờ C chở T và T đến nhà nghỉ Quê Hương ở T, xã B; C đồng ý chở T và T đến nhà nghỉ Quê Hương. Tại đây T gặp anh Dư Quang C, do có quen biết từ trước nên T hỏi mượn anh C chiếc xe mô tô Yamaha Exciter màu xanh - trắng Biển kiểm soát 88K1 - 155.90 để đưa T về nhà ở thôn M, huyện S, Hà Nội, anh C đồng ý cho T mượn xe để đưa T về nhà. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi đưa T về, T điều khiển xe mô tô về đến thôn T, xã B, huyện B thì nảy sinh ý định mang xe mô tô mượn của anh C đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. T gọi điện thoại cho Đỗ Anh G, sinh năm 1993 ở thôn V, xã T, huyện B nói dối là xe của T và nhờ G tìm chỗ cầm cố xe mô tô và hẹn gặp G ở thôn T, xã B. Khoảng 30 phút sau G điều khiển xe mô tô một mình đến và cùng T đến một Quán internet ở thôn N, xã T. Tại đây G giới thiệu T với Dương Văn Q, sinh năm 1994 ở T, xã T, huyện B là bạn của G để Q đưa T mang chiếc xe mô tô đi cầm cố, Q đồng ý rồi điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát: 88K1 - 155.90 chở T đến nhà anh Trần Văn Đ, sinh năm 1984 ở xã H, huyện T. Tại đây T nói dối là xe của T nhưng quên đem theo giấy tờ và muốn cắm xe lấy số tiền mười triệu. Do T không phải người địa phương nên anh Đ không đồng ý, thì Q nói thôi anh cầm hộ bạn em với, anh lạ gì em nữa. Do tin tưởng Q nên anh Đ đồng ý cầm cố chiếc xe mô tô và thỏa thuận đưa cho T số tiền 8.000.000 đồng và hẹn 10 ngày sau phải lên lấy xe tính lãi 500.000 đồng, T đồng ý cầm 8.000.000 đồng, sau đó cho Q 500.000 đồng, còn lại 7.500.000 đồng T cầm đi sử dụng chi tiêu cá nhân. Do không có khả năng chuộc lại được chiếc xe mô tô của anh C, nên T đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Ngày 03 tháng 4 năm 2017, sau nhiều lần gọi điện yêu cầu T trả lại xe nhưng không được, anh C có đơn trình báo đến Công an huyện Bình Xuyên để giải quyết theo quy định. Ngày 12 tháng 4 năm 2017, sau khi nói chuyện với Q về việc bị T lấy mất chiếc xe mô tô, anh C biết được T cầm cố xe tại nhà anh Đ nên đã mang 8.500.000 đồng đến nhà anh Đ chuộc lại chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 88K1 - 155.90 và tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Xuyên. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Xuyên có Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 31 trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên định giá chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 88K1- 155.90. Tại bản kết luận định giá số 23/KL-ĐG ngày 18 tháng 4 năm 2017 Hội đồng định giá tài sản huyện Bình Xuyên định giá chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 88K1- 155.90 trị giá 30.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 4 năm 2017, sau khi xác minh làm rõ Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Xuyên đã trả lại cho anh Dư Quang C chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 88K1 - 155.90. Sau khi nhận lại xe anh C yêu cầu T phải trả lại số

tiền 8.500.000 đồng là tiền chuộc xe. T đồng ý bồi thường cho anh C nhưng không có tiền nên chưa bồi thường, sau này ra trại sẽ trả sau.

Ngày 23 tháng 5 năm 2017 Dương Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Xuyên và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 58/KSĐT - KT ngày 20 tháng 9 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên truy tố Dương Văn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo Tuấn, giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự xử phạt Dương Văn T từ 02 (Hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật Dân sự 2015 buộc bị cáo T phải trả cho anh C số tiền 8.500.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

XÉT THẤY

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo Dương Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên, bị cáo khai nhận: Trong các ngày 04 tháng 3 năm 2017 và ngày 02 tháng 4 năm 2017, Dương Văn T sau khi được anh Nguyễn Tuấn A và anh Dư Quang C cho mượn xe mô tô, bị cáo T đã sử dụng xe mô tô của anh Tuấn A và anh C một cách bất hợp pháp bằng cách đem cầm cố lấy tiền tiêu sài dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho anh Tuấn A và anh C. Bị cáo đã chiếm đoạt xe mô tô Biển kiểm soát 88K7- 5195 của anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996 ở thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trị giá 13.000.000 đồng và xe mô tô Biển kiểm soát: 88K1- 155.90 của anh Dư Quang C, sinh năm 1993 ở thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc trị giá là 30.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của anh Tuấn A và anh C là 43.000.000 đồng.

Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại; phù hợp với kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản và vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận hành vi của Dương Văn T đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; tội danh được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét nhân thân cũng như tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; thực sự ăn năn hối cải. Nhưng bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đó là phạm tội nhiều lần.

Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện việc coi thường pháp luật và ham muốn kiếm tiền bất chính nhằm mục đích tiêu sài cá nhân. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự, ngoài ra ra năm 2014 đã bị Tòa án huyện Bình Xuyên ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nhưng không lấy đó làm bài học, rèn luyện, tu dưỡng bản thân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù tại Trại giam như đề nghị của Viện kiểm sát mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa và giáo dục chung.

Đối với người có tên T như T khai, bản thân T không rõ năm sinh, họ tên, địa chỉ, số điện thoại của người này. T chỉ biết T ở thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác minh tại địa bàn thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên nhưng không xác định được nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với nam giới ở xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên đã cho T cầm cố chiếc xe mô tô của anh Tuấn A, quá trình điều tra ông N và T không biết tên, tuổi và không nhớ được địa chỉ do đó không có cơ sở để xử lý.

Đối với Dương Văn Q và Đỗ Anh G có hành vi giúp sức cho T đi cầm cố chiếc xe của anh Dư Quang C. Đối với Q có mặt làm việc tại Cơ quan điều tra ngày 27 tháng 6 năm 2017, G có mặt làm việc tại Cơ quan điều tra ngày 01 tháng 6 năm 2017 đều khai không biết chiếc xe mô tô Biển kiểm soát: 88K1- 155.90 là của anh C do T mượn đem đi cầm cố, bản thân bị cáo T khai không nói cho G và Q biết đây là tài sản do T mượn của anh C đem đi cầm cố. Sau đó quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Xuyên đã triệu tập Q và G rất nhiều lần nhưng cả hai đều vắng mặt tại địa phương nên chưa đủ cơ sở để xử lý G và Q. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi của anh Trần Văn Đ cho T cầm cố xe, Đ khai nhận do xe không có giấy tờ và không quen biết nên không cho cầm cố nhưng do có quen biết với Q nên đồng ý cho T vay tiền và để lại xe làm tin. Khi nhận cầm xe anh Đ không biết nguồn gốc chiếc xe do T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra anh C yêu cầu T phải trả lại cho anh số tiền 8.500.000 đồng là số tiền chuộc xe. T đồng ý bồi thường cho anh C

nhưng hiện không có tiền nên chưa bồi thường được, sau này ra trại có tiền sẽ trả cho anh C. Xét thấy yêu cầu của anh C là phù hợp cần được chấp nhận, do đó cần buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh C số tiền 8.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô Biển kiểm soát: 88K7- 5195 và xe mô tô Biển kiểm soát: 88K1- 155.90 quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Tuấn A và anh Dư Quang C là chủ xe do đó cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Tuấn A và anh C. Sau khi nhận lại anh Tuấn A và anh C không có ý kiến gì khác về 02 xe mô tô do vậy Tòa không xét.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng, ông Dương Văn N mang đi để chuộc lại xe cho bị cáo T, ông N không yêu cầu T phải trả lại, do vậy Tòa không xét.

Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23 tháng 5 năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Dương Văn T phải bồi thường cho anh Dư Quang C số tiền 8.500.000 đồng (là tiền anh C chuộc xe).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh C có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 425.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- CA huyện Bình Xuyên;
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HSVA + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Xuân Trọng